TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ	*Lâm Hà, ngày 07 tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2020, giữa;

+ Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu T,** sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

+ **Bị đơn**: Bà **Đặng Thị N**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

+ Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Đ Trụ sở: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chủ tịch: Tổng Giám đốc.

Người đại diện đứng đơn khởi kiện: Ông **Phạm Xuân H** – Giám đốc BIDV chi nhánh Lâm Đồng theo Quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Mai Duy Nh**– Phó Giám đốc Phòng giao dịch Đức Trọng thuộc Ngân hàng Đ, chi nhánh L (Theo văn bản ủy quyền số 1114/UQ-BIDV.LĐ ngày 06/11/2020).

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 147 và Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/12/2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Hữu T** và bà **Đặng Thị N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 01/02/2003 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; giao con chung là Nguyễn Duy Th, sinh ngày 09/01/2008 cho bà Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Đặng Thị N mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (BIDV), Phòng giao dịch Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 1.821.413.014đ, trong đó số tiền nợ gốc là 1.800.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2020 là 21.413.014đ; Đồng thời, ông Tuyến, bà Ngân tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 648/2020/3853748/HĐTD ngày 30/6/2020 đã ký kết với Ngân hàng tương ứng số nợ gốc mỗi người phải trả cho Ngân hàng và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 475/2017/3853748/HĐBĐ ngày 02/8/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 475/2018/3853748/HĐBĐ ngày 14/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đức Trọng với ông Nguyễn Hữu T bà Đặng Thị N đối với các tài sản là diện tích đất và tài sản trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 887983 do UBND Huyện Lâm Hà cấp ngày 15/01/2010 tại thửa 670 tờ bản đồ 50 xã Liên Hà cho đến khi ông Tuyến và bà Ngân thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T chịu 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn và 33.321.000đ tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tổng cộng số tiền án phí ông Nguyễn Hữu T chịu là 33.471.000đ, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA2016/0007580 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Số tiền án phí sơ thẩm ông Nguyễn Hữu T còn phải nộp là 33.171.000đ *(Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).*

Bà Đặng Thị N chịu 33.321.000đ *(Ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đức Trọng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.495.000đ *(Năm mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA2016/0014945 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đức Trọng tự nguyện nhận chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền này đã được Ngân hàng nộp đủ và đã được quyết toán xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Tân Hà, huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Trần Minh Huấn